

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT

Ngày 27 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp về đất đai theo quy  
định của pháp luật về đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Huy Lương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Khôi

Bà Trần Thị Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 03/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2021/QĐPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T sinh năm 1924 (đã chết).

*Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tài sản của nguyên đơn:* Anh Vũ Văn N sinh năm 1970; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn A sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; trú tại số nhà 11, ngõ 27, đường H, phố T1, phường TB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn:* Bà Ngô Thị L1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1. Chị Vũ Thị K1 sinh năm 1952; địa chỉ thôn HG, xã KC, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.2. Anh Vũ Văn K2 sinh năm 1955; địa chỉ tại Cộng hòa liên bang Đức. (vắng mặt)

3.3. Chị Vũ Thị K3 sinh năm 1956; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.4. Chị Vũ Thị T1 sinh năm 1958; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.5. Chị Vũ Thị H sinh năm 1964; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của chị H:* Anh Vũ Văn N sinh năm 1970; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 27/12/2019). (có mặt)

3.6. Chị Vũ Thị Đ sinh năm 1966; địa chỉ xóm 5, xã KM, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.7. Chị Vũ Thị A1 sinh năm 1968; địa chỉ xóm VL, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.8. Anh Vũ Văn N sinh năm 1970; địa chỉ xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3.9. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh sinh năm 1963; địa chỉ số nhà 11, ngõ 27, đường H, phố Tây Sơn 1, phường T1 Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Vũ Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nh.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/06/2018, bản tự khai 08/6/2018 nguyên đơn là ông T trình bày:*

Năm 1965 vợ chồng ông T được Nhà nước cấp 252 m<sup>2</sup> đất ở, thửa số 138, tờ bản đồ số 1b xã K, sổ mục kê năm 1985 mang tên ông T. Ông T đã xây dựng 05 gian nhà tre đắp đất và 03 gian bếp để cả gia đình sinh sống trên thửa đất này. Năm 1981, con trai ông T là anh K2 mua thêm thửa đất số 177, vì lúc đó con cái đông chỗ ở chật chội nên ông T chuyển ra thửa đất 177 để ở và sinh sống. Năm 1983, anh A xây dựng gia đình nên ông T tạo điều kiện cho anh A ở tạm tại thửa đất 138 trông coi và thờ cúng tổ tiên. Năm 1987, vì nhà cũ xuống cấp gia đình ông T đã đóng gạch xây một gian nhà mái bằng để ở. Năm 1990, anh K2 gửi tiền về gia đình ông T xây tiếp 02 gian nhà mái bằng nữa để anh A ở làm ăn.

Năm 1993, anh A đi sang Đức để làm ăn đến năm 1997 thì về nước. Khi anh A đi xuất khẩu lao động, vợ anh A ở nhà tự ý khai thửa đất số 138 mang tên anh A. Ông T tuổi cao sức yếu nên không biết việc vợ anh A kê khai cấp bìa đỏ mang tên anh A. Năm 1998, anh A mua nhà trên thị xã Ninh Bình và chuyển lên đó sinh sống. Ông T vẫn cho anh A mượn nhà đất để canh tác. Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh A trả lại cho ông T 252 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 138, có kích thước “Phía tây Nam dài 9,17 mét + 4,87 mét, phía Tây Bắc dài 20,22 mét, phía Đông Bắc dài 12,37 mét, phía Đông Nam dài 20,97 mét”. Còn nhà và vật kiến trúc anh A đã xây dựng trên đất từ rất lâu hiện không còn giá trị sử dụng đề nghị anh A tháo dỡ, nếu còn giá trị đề nghị Tòa án định giá để ông T có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho anh A.

*Tại các bản tự khai và tại phiên tòa anh N là người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tài sản của ông T và đại diện cho chị H theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 138, diện tích 252 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xóm L, thôn V, xã K là tài sản của bố mẹ anh N là ông T và bà GA được Nhà nước cấp từ năm 1965. Ông T, bà GA có xây dựng trên đất một nhà 5 gian lợp dạ và 3 gian bếp. Ông T, bà GA và 9 người con cùng chung sống trên thửa đất này. Năm 1981, gia đình chuyển sang mảnh đất rộng hơn để sinh sống. Năm 1982, anh A xây dựng gia đình với chị T2 và anh A xin ra thửa đất số 138 để ở được 02 năm thì chị T2 bỏ đi. Anh A vẫn ở tại thửa đất 138. Năm 1985, anh A xây dựng gia đình với chị Nh và ở trên thửa đất số 138. Năm 1988, anh A tự ý xây thêm một gian nhà mái bằng. Năm 1991, anh A xây thêm 03 gian nhà ngoài các anh, chị em có đóng góp công sức lao động. Ông T khởi kiện yêu cầu anh A trả lại cho ông T diện tích đất 252 m<sup>2</sup> tại thửa số 138. Tài sản trên đất chấp nhận, nhận lại ngôi nhà này và có trách nhiệm T1 toán giá trị còn lại của tài sản theo chứng thư thẩm định giá ngày 21/11/2018 là 44.120.000 đồng. Nay ông T và bà GA đã chết nên anh N đề nghị anh A phải trả lại 252 m<sup>2</sup> đất, thửa số 138, địa chỉ tại xóm L, thôn V, xã K cho ông T bà GA và giao cho anh N quản lý; anh N không đồng ý thực nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh A trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 138, diện tích là 252 m<sup>2</sup> là tài sản của ông T và bà GA. Tháng 6 năm 1982, anh A xây dựng gia đình với chị T2. Đến tháng 12 năm 1982 được ông T và bà GA cho ở riêng trên diện tích đất 252 m<sup>2</sup> thửa đất số 138, trên đất có một ngôi nhà 2 tranh tường đất lợp dạ. Tại thời điểm đó ông T chỉ nói miệng là cho ra ngoài đó ở chứ không có giấy tờ gì cả. Năm 1987, được sự đồng ý của ông T và bà GA, anh A đã xây 01 gian buồng. Năm 1988, anh A xây tiếp 02 gian nhà ngoài trên thửa đất nói trên ngoài ra không xây dựng gì thêm. Năm 1997, anh A được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 138, nhưng cấp nhầm tên của anh Vũ Văn A thành Vũ Thị A. Anh A đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước trên thửa đất nói trên từ năm 1982 cho đến nay. Năm 1998, gia đình anh A chuyển lên thành phố Ninh Bình

sinh sống, nhưng gia đình anh A vẫn canh tác tại xã nên vợ chồng vẫn thường xuyên đi lại. Anh A khẳng định thửa đất số 138, tờ bản đồ số 1b xã K thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh A. Do vậy, anh A không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị K1 trình bày:*

Diện tích 252 m<sup>2</sup> đất ở, số thửa 138 tờ bản đồ 1b xã K; địa chỉ thửa đất tại xóm L, thôn V, xã K là tài sản của ông T và bà GA. Trên thửa đất có nhà 5 gian lợp dạ và 3 gian bếp. Năm 1982, khi anh A lấy vợ thì ông T và bà GA có cho vợ chồng anh A ở nhờ. Bà GA chết năm 2015, không để lại di chúc gì, nên chị K1 được hưởng thừa kế tài sản của bà GA sau khi chết để lại là thửa đất trên. Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh A phải trả lại 252 m<sup>2</sup> đất trên cho ông T. Chị K1 cũng yêu cầu anh A phải trả lại 252 m<sup>2</sup> đất ở nêu trên cho ông T và bà GA. Đến nay, ông T và bà GA đều đã chết nên 252 m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý, chị K1 không đồng ý để anh N thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Tại các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh K2 trình bày:*

Ông T và bà GA có tài sản là 252 m<sup>2</sup> đất số thửa 138, trên đất có nhà, bể nước. Hiện tại tài sản trên Đg do anh A chiếm đoạt của ông T và bà GA. Nay ông T khởi kiện anh A phải trả lại cho ông T 252 m<sup>2</sup> đất, anh K2 cũng yêu cầu anh A phải trả lại cho ông T bà GA 252 m<sup>2</sup> đất này. Đến nay, ông T và bà GA đã chết nên 252 m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý.

*Biên tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị K3 trình bày:*

Chị K3 sinh ra và lớn lên ở cùng với ông T và bà GA tại thửa đất 138. Năm 1981, do nhà cửa chật chội nên ông T và bà GA dọn ra thổ mới do anh K2 mua để ở. Năm 1982, anh A xây dựng gia đình thì ông T cho vợ chồng anh A mượn thửa đất số 138 để ở, lúc đó trên đất có ngôi nhà 5 gian và 3 gian nhà bếp đều lợp dạ. Năm 1984, vợ chồng anh A ly hôn, anh A vẫn ở trên thửa đất này. Năm 1985, anh A xây dựng gia đình với chị Nh và tiếp tục ở trên thửa đất này. Ông T và bà GA chỉ cho ở nhờ chứ không cho. Năm 1986, anh A đòi xây nhà nhưng bố mẹ không cho, nên anh em đã phá 05 gian nhà cũ, lấy đất đóng gạch xây 01 gian nhà mái bằng cho anh A ở nhờ. Việc các anh chị em đóng góp công sức xây nhà với mục đích là về sau ông T và bà GA về ở. Từ năm 1997, vợ chồng anh A chuyển lên thành phố Ninh Bình sinh sống nhưng không trả lại cho ông T. Chị K3 yêu cầu anh A trả lại 252 m<sup>2</sup> số thửa 138 cho ông T bà GA. Về phần tài sản mà chị K3 đóng góp xây dựng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phần tài sản trên đất đã bỏ không lâu năm, đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Sau khi anh A trả lại đất cho ông T, thì ông T sẽ T1 toán phần tài sản còn lại trên đất theo quy định của pháp luật. Đến nay, ông T và bà GA đều đã chết nên 252 m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý, chị K3 không đồng ý để anh N thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị T1 trình bày:*

Bố mẹ chị T1 là ông T và bà GA có mảnh đất diện tích 252 m<sup>2</sup>, số thửa 138 tờ bản đồ 1b; địa chỉ tại xóm L, thôn V, xã K. Năm 1981, do nhà cửa chật chội nên anh K2 có mua một thổ mới ông T và bà GA dọn ra thổ mới ở. Năm 1982, anh A lấy vợ thì tự xin ông T và bà GA ra ở riêng. Ông T và bà GA có nói cho ra ở để trông coi, lúc đó trên đất có 05 gian nhà đất. Chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của ông T và bà GA, buộc anh A chị Nh trả lại cho bố mẹ là ông T bà GA 252 m<sup>2</sup> đất thửa số 138. Đến nay ông T và bà GA đều đã chết nên đề nghị Tòa án giao cho anh N quản lý 252 m<sup>2</sup> đất. Chị T1 không đồng ý để anh N thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H trình bày:*

Bố mẹ chị H là ông T và bà GA có tài sản là 252 m<sup>2</sup> đất ở, số thửa 138, trên đất có tài sản là nhà và bể nước; toàn bộ tài sản đang do anh A chiếm đoạt của ông T và bà GA. Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh A phải trả lại cho ông T 252 m<sup>2</sup> đất. Chị H cũng yêu cầu anh A phải trả lại cho ông T bà GA là 252 m<sup>2</sup> đất. Đến nay ông T và bà GA đều đã chết nên 252 m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đ trình bày:*

Bố mẹ chị Đ là ông T và bà GA có tài sản là 252 m<sup>2</sup> đất ở, số thửa 138, trên đất có tài sản là nhà và bể nước; toàn bộ tài sản Đg do anh A chiếm đoạt của ông T và bà GA. Nay ông T khởi kiện yêu cầu anh A phải trả lại cho ông T 252 m<sup>2</sup> đất, chị Đ cũng yêu cầu anh A phải trả lại cho ông T bà GA là 252 m<sup>2</sup> đất. Đến nay, ông T và bà GA đều đã chết nên 252m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý. Chị Đ không đồng ý để anh N thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Tại các bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị An trình bày:*

Chị An lớn lên ở cùng với ông T và bà GA tại thửa đất 138. Năm 1981, do nhà cửa chật chội nên ông T và bà GA dọn ra thổ mới do anh K2 mua để ở. Năm 1982, anh A xây dựng gia đình thì ông T cho vợ chồng anh A mượn thửa đất 138 để ở. Năm 1984, vợ chồng anh A ly hôn, anh A vẫn ở trên thửa đất này. Năm 1985, anh A xây dựng gia đình với chị Nh và tiếp tục ở trên thửa đất này. Ông T và bà GA chỉ cho ở nhờ chứ không cho. Năm 1986, anh A đòi xây nhà nhưng ông T và bà GA không cho, nên anh em đã phá 05 gian nhà cũ, lấy đất đóng gạch xây 01 gian nhà mái bằng cho anh A ở nhờ. Việc anh chị em trong gia đình có đóng góp công sức xây nhà với mục đích là về sau ông T và bà GA về ở. Từ năm 1997, vợ chồng anh A chuyển lên thành phố Ninh Bình sinh sống nhưng anh A vẫn không trả lại cho ông T. Chị A1 yêu cầu anh A trả lại 252 m<sup>2</sup> số thửa 138 cho ông T và bà GA. Về phần tài sản mà chị A1 đóng góp xây dựng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các tài sản trên đất do đã bỏ không lâu

năm nên xuống cấp không còn giá trị sử dụng. Sau khi anh A trả lại đất cho ông T, thì ông T chấp nhận T1 toán giá trị còn lại của tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Đến nay, ông T và bà GA đều đã chết nên 252 m<sup>2</sup> đất này giao cho anh N quản lý. Chị A1 không đồng ý để anh N thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T cho anh A.

*Bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nh trình bày:*

Chị Nh kết hôn với anh A năm 1985 và về sinh sống tại thửa đất 138, địa chỉ tại xóm L, thôn V, xã K. Lúc đó trên thửa đất chỉ có 1 gian nhà bằng vách đất lợp ngói đỏ. Sau đó, do nhu cầu sinh hoạt vợ chồng xây thêm một gian nhà mái bằng. Khi xây nhà, vợ chồng có báo cáo ông T và bà GA. Năm 1990, vợ chồng lại xây thêm hai gian nhà mái bằng và 01 cầu thang. Trước khi xây có báo cáo bố mẹ chồng là ông T và bà GA và được bố mẹ chồng đồng ý. Năm 1997, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị Nh máng tên Vũ Thị A. Năm 1998, gia đình chuyển lên thành phố Ninh Bình sinh sống, nhà và đất số thửa 138 KH của không giao cho ai quản lý, thỉnh thoảng có về làm mùa. Năm 2013, ông T yêu cầu vợ chồng chị Nh trả lại đất, với lý do chỉ cho mượn chứ không cho hẳn. Chị Nh khẳng định là ông T nói mồm là cho chứ không có văn bản nào. Chị Nh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết để bảo đảm quyền lợi chính đáng cho gia đình chị Nh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 690 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 616 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 74, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## 2. Xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, buộc vợ chồng anh Vũ Văn A và chị Nguyễn Thị Nh phải trả lại cho vợ chồng ông Vũ Văn T và bà Tống Thị GA và giao cho anh Vũ Văn N quản lý tài sản là 252m<sup>2</sup> đất ở, số thửa 138 (nay là thửa 128), tờ bản đồ 1b; địa chỉ thửa đất tại xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có kích thước các chiều: Phía Đông giáp nhà ông Lưu dài 20,15 mét; Phía Nam giáp nhà ông Tính dài 8,8 mét + 4,6 mét; Phía Tây giáp đường liên thôn dài 20,22 mét; Phía Bắc giáp đường xóm là 12,15 mét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát huyện Y có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh bình xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày

30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình với căn cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (xác định không đúng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng; bỏ lọt người tham gia tố tụng); giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không xem xét giải quyết tài sản trên đất nên bản án không thể thi hành được.

Ngày 13/11/2020, Bị đơn anh Vũ Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do vì cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đúng, chưa khách quan toàn diện. Đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa đã phân tích các tình tiết của vụ án và nhận định các yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận kháng nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020, của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, Đơn kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nh thực hiện trong thời hạn pháp luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh A trả lại cho ông T 252 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 138, tờ bản đồ 1b, địa chỉ thửa đất tại xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (hiện nay là đất số thửa 128, tờ bản đồ số 3, xã K). Nhà và vật kiến trúc trên đất mà bị đơn anh A đã xây dựng không còn giá trị sử dụng nguyên đơn yêu cầu anh A tháo dỡ. Nếu tài sản trên đất còn giá trị thì nguyên đơn đề nghị Tòa án định giá các tài sản trên đất để nguyên đơn có trách nhiệm T1 toán giá trị tài sản cho anh A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm, ngày 15 tháng 4 năm 2020, nguyên đơn ông Vũ Văn T chết. Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tài sản của ông T. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm 09 người con. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ xác định anh Vũ Văn N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo biên bản họp gia đình ngày 03 tháng 6 năm 2020 là không đúng quy định của pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có giao nộp tài liệu, chứng cứ là Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 11/10/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình có nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 128, tờ bản đồ số 3, xã K có nguồn gốc là thửa đất số 138, tờ bản đồ 1b, địa chỉ thửa đất tại xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là đối tượng tranh chấp trong vụ án. Cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung giải quyết tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu về việc buộc bị đơn anh A trả lại cho ông T diện tích đất 252 m<sup>2</sup> tại thửa số 138, tờ bản đồ 1b, địa chỉ thửa đất tại xóm L, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (hiện nay là đất số thửa 128, tờ bản đồ số 3, xã K. Trên thửa đất có nhà và vật kiến trúc mà bị đơn đã xây dựng. Nguyên đơn yêu cầu anh A tháo dỡ. Nếu tài sản trên đất còn giá trị thì nguyên đơn đề nghị Tòa án định giá các tài sản trên đất để nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho anh A. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn không có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tài sản trên đất nên tách để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là không giải quyết triệt để vụ án làm cho bản án không thể thi thành được trên thực tiễn. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết nên không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020, Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử hủy bản án 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng là có cơ sở được chấp nhận.

[4] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các nội dung kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nh sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.



*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vũ Văn A và chị Nguyễn Thị Nh không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 5 năm 2021.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA huyện Y (1);
- TAND huyện Y (1);
- Các đương sự (12);
- Lưu VP, Tòa DS (2)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Huy Lưỡng**